

Số: 1170/QĐ-UBND

Triệu Lộc, ngày 27 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ GPMB Dự án: Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc) huyện Hậu Lộc (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRIỆU LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/ql15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 266/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên các địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 2, năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 9/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Quyết định Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 Ban hành Đơn giá xây dựng nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024; Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 Sửa đổi Điều 3 của Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh và một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 về việc Ban hành Quy định chi tiết một số điều Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc về việc phê duyệt dự án Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc;

Căn cứ Thông báo số 143/TB-UBND ngày 02/6/2026 của Chủ tịch UBND xã Triệu Lộc về việc Thu hồi đất để thực hiện Dự án Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc.

Trên cơ sở Tờ trình số 03/TTr-HĐBTGPMB ngày 25/9/2026 của Hội đồng bồi thường GPMB về việc Đề nghị phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ GPMB Dự án: Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2); Phương án số 11/PA-HĐBTGPMB ngày 25/9/2026 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ GPMB về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để Phục vụ GPMB Dự án: Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2); Báo cáo số 64/BCTĐ-KT ngày 26/9/2026 của phòng Kinh tế về Báo cáo thẩm định Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để Phục vụ GPMB Dự án Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2).

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 201/TTr-KT ngày 26/9/2026 về việc đề nghị phê duyệt Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ GPMB Dự án: Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ GPMB Dự án: Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2) theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất cụ thể như sau:

a) Tổng diện tích thu hồi: 15.399,3 m². Trong đó:

- + Đất trồng lúa nước (LUC): 13.742,4 m²;
- + Đất công trình giao thông (DGT): 913,6 m²;
- + Đất công trình thủy lợi (DTL): 743,3 m².

b) Tổng số người có đất thu hồi:

- Tổng số hộ dân có đất thu hồi lần này: 55 hộ và các thửa đất do UBND xã quản lý không được bồi thường.
- Tổng số hộ dân được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: 55 hộ.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng tiền đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

d) Phương án bố trí tái định cư: Không có đối tượng thuộc diện tái định cư.

đ) Phương án di dời mộ mả trong phạm vi đất đất thu hồi đất:

Phạm vi lập phương án lần này không có mộ mả phải di chuyển.

e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 1.955.718.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng chẵn.

Bao gồm:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân: 1.898.755.000 đồng.

+ Chi phí Bồi thường đất trong mốc GPMB	474.886.000 đồng;
+ Chi phí Bồi thường đất ngoài mốc GPMB	74.841.000 đồng;
+ Tài sản vật kiến trúc	68.141.000 đồng;
+ Chi phí bồi thường cây cối, hoa màu, vật nuôi	127.915.000 đồng;
+ Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề	1.099.422.000 đồng;
+ Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	53.550.000 đồng.
- Chi phí tổ chức thực hiện GPMB (3%): 56.963.000 đồng.	

(có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Tiến độ thực hiện hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

i) Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn vốn thực hiện dự án Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc.

k) Thời gian, phương thức thanh toán

Chi trả kinh phí bồi thường GPMB mặt bằng ngay sau khi có Quyết định phê duyệt phương án BTGPMB của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình cá nhân có đất thu hồi theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

(có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị sau có nhiệm vụ, trách nhiệm:

1. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Đối với Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B (ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giao Quyết định này cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1; chịu trách nhiệm giải quyết những vướng mắc kiến nghị của nhân dân trong việc chi trả bồi thường theo chế độ đã được phê duyệt. Niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; thực hiện đúng các trình tự theo quy định hiện hành, đảm bảo công khai cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng và tổ chức giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án.

- Đối với Phòng Kinh tế: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm giám sát, theo dõi, hướng dẫn Hội đồng tổ chức triển khai thực hiện; đồng

thời thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đối với các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Có trách nhiệm chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bàn giao đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật (nếu có) và các nhiệm vụ, trách nhiệm khác có liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Thành viên HDBTGPMB;
- Trung tâm CUDVC xã;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Việt

Phụ lục 01. TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 2)

Dự án: Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 526 với đường 526B

(ĐH.08 Đồng Lộc-Thuần Lộc), huyện Hậu Lộc (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Triệu Lộc)

Đơn vị tính: VNĐ.

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bồi thường đất		Tài sản vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Tổng cộng (Làm tròn số)
			Bồi thường đất trong mốc GPMB	Bồi thường đất ngoài mốc GPMB					
1	Phạm Văn Quang	Thôn Tiến Lộc	20.417.000	9.464.000	0	5.320.000	59.760.000	9.180.000	104.141.000
2	Phạm Văn Chính (Lý)	Thôn Tiến Lộc	9.950.000	0	0	1.769.000	19.899.000	0	31.618.000
3	Lê Thị Minh	Thôn Tiến Lộc	6.561.000	0	0	1.166.000	13.122.000	0	20.849.000
4	Lê Thị Tụ	Thôn Tiến Lộc	6.075.000	0	0	1.080.000	12.150.000	0	19.305.000
5	Phạm Thị Phụng	Thôn Tiến Lộc	2.174.000	0	0	386.000	4.347.000	0	6.907.000
6	Hoàng Ngọc Do	Thôn Tiến Lộc	6.773.000	0	0	1.204.000	13.545.000	0	21.522.000
7	Hoàng Thị Thúy (Khánh)	Thôn Tiến Lộc	14.000	0	0	2.000	27.000	0	43.000
8	Phạm Văn Cường (Phụng)	Thôn Tiến Lộc	8.240.000	0	0	1.465.000	16.479.000	0	26.184.000
9	Phạm Văn Ngân	Thôn Tiến Lộc	14.126.000	0	0	2.511.000	28.251.000	0	44.888.000
10	Hoàng Văn Hiến	Thôn Tiến Lộc	7.488.000	0	0	1.331.000	14.976.000	0	23.795.000
11	Hoàng Ngọc Dũng	Thôn Tiến Lộc	9.054.000	0	0	1.610.000	18.108.000	0	28.772.000
12	Hoàng Thị Thành	Thôn Tiến Lộc	9.779.000	0	0	1.738.000	19.557.000	0	31.074.000
13	Hoàng Thị Đăng	Thôn Tiến Lộc	7.799.000	0	0	1.386.000	15.597.000	0	24.782.000
14	Hoàng Thị Quý	Thôn Tiến Lộc	7.736.000	0	0	1.375.000	15.471.000	0	24.582.000
15	Hoàng Trung Tiến	Thôn Tiến Lộc	8.969.000	18.122.000	0	4.821.000	54.180.000	4.590.000	90.682.000
16	Hoàng Thị Sở	Thôn Tiến Lộc	7.434.000	0	0	1.322.000	14.868.000	0	23.624.000
17	Hà Thị Mơ	Thôn Tiến Lộc	7.484.000	0	0	1.330.000	14.967.000	0	23.781.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bồi thường đất		Tài sản vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Tổng cộng (Làm tròn số)
			Bồi thường đất trong mốc GPMB	Bồi thường đất ngoài mốc GPMB					
18	Phạm Thị Cừ	Thôn Tiến Lộc	7.466.000	0	0	1.327.000	14.931.000	0	23.724.000
19	Hoàng Thị Liêm	Thôn Tiến Lộc	11.192.000	0	0	1.990.000	22.383.000	0	35.565.000
20	Hoàng Thị Nhung (Thuyết)	Thôn Tiến Lộc	18.032.000	0	0	3.206.000	36.063.000	0	57.301.000
21	Hoàng Thị Loan	Thôn Tiến Lộc	756.000	0	0	134.000	1.512.000	0	2.402.000
22	Hoàng Thị Ninh	Thôn Tiến Lộc	10.004.000	0	0	1.778.000	20.007.000	0	31.789.000
23	Hoàng Thị Hoa	Thôn Tiến Lộc	6.395.000	0	0	1.137.000	12.789.000	0	20.321.000
24	Hoàng Ngọc Huệ (Khuê)	Thôn Tiến Lộc	8.172.000	0	0	1.453.000	16.344.000	0	25.969.000
25	Hoàng Thị Lựu	Thôn Tiến Lộc	1.008.000	0	0	179.000	2.016.000	0	3.203.000
26	Hoàng Thị Mạnh	Thôn Tiến Lộc	5.625.000	0	0	1.000.000	11.250.000	0	17.875.000
27	Phạm Thị Thảo	Thôn Tiến Lộc	2.097.000	0	0	373.000	4.194.000	0	6.664.000
28	Phạm Văn Long	Thôn Tiến Lộc	3.389.000	0	0	602.000	6.777.000	0	10.768.000
29	Phạm Văn Thêu	Thôn Tiến Lộc	2.727.000	0	0	485.000	5.454.000	0	8.666.000
30	Hoàng Thị Nghĩa	Thôn Tiến Lộc	6.863.000	0	0	1.220.000	13.725.000	0	21.808.000
31	Phạm Thị Chứ	Thôn Tiến Lộc	1.067.000	0	0	190.000	2.133.000	0	3.390.000
32	Lê Văn Toàn	Thôn Tiến Lộc	4.995.000	0	0	888.000	9.990.000	0	15.873.000
33	Hoàng Thị Hòa (Tiên)	Thôn Tiến Lộc	11.354.000	0	0	2.018.000	22.707.000	0	36.079.000
34	Phạm Văn Thủy (Sấn)	Thôn Tiến Lộc	10.049.000	0	0	1.786.000	20.097.000	0	31.932.000
35	Lương Minh Lâm	Thôn Tiến Lộc	10.179.000	0	0	1.810.000	20.358.000	0	32.347.000
36	Phạm Thị Bình	Thôn Tiến Lộc	10.076.000	0	0	1.791.000	20.151.000	0	32.018.000
37	Trịnh Thị Tới	Thôn Tiến Lộc	10.323.000	0	0	1.835.000	20.646.000	0	32.804.000
38	Hoàng Thị Mút	Thôn Tiến Lộc	16.074.000	4.761.000	0	3.750.000	41.670.000	18.360.000	84.615.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bồi thường đất		Tài sản vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Tổng cộng (Làm tròn số)
			Bồi thường đất trong mốc GPMB	Bồi thường đất ngoài mốc GPMB					
39	Hoàng Ngọc Trá (Hoàng Ngọc Nhung)	Thôn Tiến Lộc	9.954.000	0	0	1.770.000	19.908.000	0	31.632.000
40	Lê Thị Thảo	Thôn Tiến Lộc	8.766.000	0	0	1.656.000	17.532.000	0	27.954.000
41	Phạm Thị Hoa (Hùng)	Thôn Tiến Lộc	8.325.000	0	0	1.573.000	16.650.000	0	26.548.000
42	Hoàng Thị Vân	Thôn Tiến Lộc	10.085.000	0	0	1.905.000	20.169.000	0	32.159.000
43	Hoàng Văn Sinh	Thôn Tiến Lộc	8.874.000	11.736.000	0	3.897.000	41.220.000	9.180.000	74.907.000
44	Hoàng Thị Lược	Thôn Tiến Lộc	9.005.000	0	0	1.701.000	18.009.000	0	28.715.000
45	Phạm Đồng Tâm	Thôn Tiến Lộc	16.164.000	0	0	3.053.000	32.328.000	0	51.545.000
46	Phạm Thị Huệ	Thôn Tiến Lộc	8.510.000	0	0	1.607.000	17.019.000	0	27.136.000
47	Phạm Thị Thanh	Thôn Tiến Lộc	6.984.000	0	0	1.319.000	13.968.000	0	22.271.000
48	Phạm Văn Nhật	Thôn Tiến Lộc	6.804.000	0	0	1.285.000	13.608.000	0	21.697.000
49	Vũ Văn Đoàn	Thôn Tiến Lộc	1.157.000	12.344.000	0	2.594.000	27.000.000	0	43.095.000
50	Bùi Văn Luận	Thôn Tiến Lộc	2.745.000	13.005.000	0	2.800.000	31.500.000	0	50.050.000
51	Vũ Văn Huy	Thôn Tiến Lộc	0	0	29.160.000	12.016.000	0	0	41.176.000
52	Vũ Văn Đào	Thôn Tiến Lộc	50.207.000	5.409.000	33.368.000	21.699.000	111.231.000	6.120.000	228.034.000
53	Vũ Văn Định	Thôn Tiến Lộc	0	0	5.613.000	3.527.000	0	0	9.140.000
54	Vũ Thị Thêu	Thôn Tiến Lộc	0	0	0	1.520.000	0	0	1.520.000
55	Vũ Văn Đài	Thôn Tiến Lộc	29.390.000	0	0	5.225.000	58.779.000	6.120.000	99.514.000
I	Tổng bồi thường cho các hộ		474.886.000	74.841.000	68.141.000	127.915.000	1.099.422.000	53.550.000	1.898.755.000
II	Chi phí GPMB= Ix3%								56.963.000
Tổng cộng:= I+II									1.955.718.000

Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng.